Tên: ……..

Lớp: S6…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngữ pháp HW: ……

Đọc HW: ……

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 7: NATURE'S POWER – GRAMMAR REVISION

A. THEORY

I. GRAMMAR REVISION

1. Past Continuous *(Quá khứ tiếp diễn)*

a. Cấu trúc:

Loại câu	Cấu trúc	Ví dụ
Khẳng định	S + was/were + V_{ing}.	She **was planting** trees at 4 p.m. yesterday.
Phủ định	S + wasn't/weren't + V_{ing}.	They **weren't working** for that company at that time in 1990.
Nghi vấn	Was/Were + S + V_{ing}? ➢ Yes, S + was/were. ➢ No, S + wasn't/weren't.	**Was** he **eating** while I **was studying**? – No, he was not.
Wh-question	Wh- + was/were + S + V_{ing}?	Where **was** he **learning** at 8 p.m. yesterday?

b. Cách dùng:

– Diễn tả một hành động hoặc sự việc xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ.
Ví dụ: **At 9 p.m yesterday**, my family **was watching** TV.

– Diễn tả hai hay nhiều hành động đang xảy ra đồng thời trong quá khứ.
Ví dụ: **At 9 p.m yesterday**, I **was driving** while my brother **was singing**.

– Diễn tả một hoạt động đang diễn ra thì bất chợt có hành động khác xen vào.
Ví dụ: When Jane came, we **were having** dinner.

c. Dấu hiệu:

	Cách dùng	Cấu trúc	Ví dụ
While	Diễn tả **hai hành động dài** đang diễn ra **đồng thời** trong quá khứ	While + S + was/were + V-ing, S + was/were + V-ing	I was reading **while** he was sleeping.
	Diễn tả **một hành động dài** đang diễn ra thì **một hành động ngắn xen vào** (nhấn vào hành động dài)	While + S + was/were + V-ing, S + V2/ed	**While** we were discussing the contract, her child shouted.
When	Diễn tả **hành động ngắn xảy ra**, cắt ngang **hành động dài**	When + S + V2/ed, S + was/were + V-ing	**When** the phone rang, I was having a shower.
	Diễn tả **hành động dài đang diễn ra** thì **hành động ngắn xen vào** (nhấn vào hành động ngắn)	When + S + was/were + V-ing, S + V2/ed	**When** we were talking, John suddenly came in.

2. Connectives *(Từ nối)*

a. Định nghĩa: là các từ hoặc cụm từ dùng để **kết nối câu, mệnh đề hoặc ý tưởng** trong văn nói và văn viết, giúp bài nói/bài viết **mạch lạc, logic và dễ hiểu hơn**.

b. Phân loại từ nối

Loại từ nối	Từ nối	Ý nghĩa	Ví dụ
Thêm thông tin	and	và	She likes reading, **and** she writes short stories in her free time.
	also	cũng	She likes reading. She **also** collects old books.
	moreover	hơn nữa, thêm vào đó (trang trọng)	He is intelligent; **moreover**, he is very hardworking.
	furthermore	hơn nữa, thêm vào đó (trang trọng)	The plan is expensive. **Furthermore**, it is risky.
	because	bởi vì	He was late **because** he missed the bus.

LIVEWORKSHEETS

Nguyên nhân – kết quả	so	vì vậy, nên	He missed the bus, **so** he was late.
	therefore	do đó, vì thế (trang trọng)	She didn't study; **therefore**, she failed the test.
	thus	do đó (học thuật)	The data was incorrect; **thus**, the results were unreliable.
Tương phản	but	nhưng	It was raining, **but** they still went out.
	however	tuy nhiên (trang trọng)	It was raining. **However**, they still went out.
	although	mặc dù	**Although** it was raining, they went out.
	on the other hand	mặt khác	This job is well paid. **On the other hand**, it is stressful.
Chỉ thời gian	before	trước khi	She finished her homework **before** going to bed.
	after	sau khi	**After** finishing her homework, she went to bed.
	when	khi	She was studying **when** her phone rang.
	while	trong khi	**While** she was studying, her brother was listening to music in the next room.
	until	cho đến khi	He waited **until** the meeting ended.
Chỉ điều kiện	if	nếu	**If** it rains, we will stay inside.
	unless	trừ khi	You won't pass **unless** you study harder.
	as long as	miễn là	You can stay here **as long as** you follow the rules.

II. CAMBRIDGE VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**memorable** (adj)	đáng nhớ	4	**charge** (v)	tính phí
2	**reserve** (v)	đặt trước	5	**takeaway service** (n)	dịch vụ bán đồ ăn mang đi
3	**organise** (v)	tổ chức, sắp xếp			

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ.*

B. CLASSWORK (11 questions)

I. Circle the correct answers.

0. *At 8 p.m. yesterday, we _____ TV when the lights went out.*
   A. watched *B. were watching* *C. are watching* *D. have watched*
1. While I _____ to school, I saw an accident on the main road.
   A. walked B. was walking C. am walking D. walk
2. It was raining heavily; _____, they decided to continue the football match.
   A. because B. so C. therefore D. however
3. _____ he was cooking dinner, his sister was setting the table.
   A. When B. After C. While D. Because
4. I didn't go to the party _____ I had too much homework.
   A. because B. but C. however D. although
5. You won't pass the exam _____ you study harder.
   A. if B. as long as C. unless D. when

II. Fill in the blank with the correct connectives given in the box.

so	**however**	**until**	**although**	**while**	**as long as**	**because**

0. *She didn't revise for the test, **so** she felt very nervous before the exam.*
1. _____ he was tired, he continued working on his project until midnight.
2. I stayed at home _____ it was raining heavily all afternoon.

LIVEWORKSHEETS

3. My sister was listening to music _____ I was doing my homework.
4. The task was difficult. _____, everyone tried their best to complete it.
5. You can join the trip _____ you finish your homework first.
6. He waited _____ the teacher finished explaining the lesson.

C. HOMEWORK

GRAMMAR (22 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần II. Cambridge Vocabulary 1 dòng vào vở ghi.

II. Match to make meaningful sentences.

0. If it rains tomorrow,	*0- **c***	a. furthermore, it is close to the beach.
1. She brushed her teeth	1-	b. my sister was chatting with her friends online.
2. While I was studying for the exam,	2-	*c. we will cancel the picnic.*
3. I was walking home	3-	d. before going to bed.
4. The hotel is cheap;	4-	e. when it suddenly started to rain heavily.
5. Although he was tired,	5-	f. he finished all his work.

III. A teacher is talking to a student. Put the verbs in brackets into suitable tenses.

Teacher: James, why is your leg in a plaster cast? What *(0)* ***happened*** ***(happen)***?
James: Well, yesterday afternoon when I (1) _____ **(walk)** home from school, I (2) _____ **(slip)** over on the ice and (3) _____ **(break)** my ankle.
Teacher: How awful!
James: It (4) _____ **(be)**. And I (5) _____ **(not / have)** any credit on my mobile to call my parents.
Teacher: So, how did you get to hospital?
James: Well, I (6) _____ **(lie)** on the ground wondering what to do when, all of a sudden, I (7) _____ **(see)** my next-door neighbour. He (8) _____ **(take)** his dog for a walk.
Teacher: That was lucky.
James: I know. Anyway, he (9) _____ **(phone)** my mum, and she (10) _____ **(come)** and (11) _____ **(take)** me to hospital.
Teacher: Well, I'm very glad someone (12) _____ **(find)** you and I hope your leg mends soon.

IV. Complete the sentences using the given prompts.

0. You / not pass / the exam / unless / you / study harder
→ ***You won't pass the exam unless you study harder***.

1. Although / it / be / very cold yesterday / we / go / swimming
→ _____.
2. I / do my homework / while / my brother / play / video games
→ _____.
3. He / miss / the bus / this morning / so / he / arrive / late for school
→ _____.
4. We / not leave / until / the rain / stop / tonight
→ _____.
5. She / watch TV / at 9 p.m. last night / when / I / call her
→ _____.

LIVEWORKSHEETS

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

I. PET Part 2

Part 2

Questions 6–10

For each question, choose the correct answer.

The people below are all looking for a restaurant.
On the opposite page there are reviews of eight restaurants.
Decide which restaurant would be the most suitable for the people below.

6

It's Jenny's 30th birthday and she would like to take a group of friends out for a meal. She'd like a party atmosphere with live music.

7

Kieran has an hour to wait before his train leaves. He would like somewhere that serves quality, fast food. He needs somewhere he can get to the station quickly.

8

Jon and his wife Debbie are celebrating their 20th wedding anniversary and would like to have a nice romantic meal somewhere not too busy. They love going on holiday to Italy.

9

Marie and her husband Harry want to take their young son for a meal. It would be good if there was something for him to do as he has a lot of energy!

10

Trevor is working late tonight at the office. He wants to order something over the phone to eat at his desk. He likes spicy food and is happy to pay for delivery.

LIVEWORKSHEETS

Restaurant reviews

A Southern Chicken Takeaway

Ordered a takeaway chicken and chips from this place. Nice food but ordering was difficult. Someone in the kitchen was playing music really loudly and I could hardly hear what the man serving me was saying. I would have ordered over the phone but they don't deliver.

B The Noodle Bar

This is what fast food should be like. From delicious Japanese soups to hot Thai main meals. Eat in or take away. They're very popular with locals and if you're eating at a table it can take a while to get served. They charge 10% delivery for takeaways.

C Spice World

Phew! Just had one of the hottest curries I've ever eaten. I must say it was also one of the nicest meals I've had for a while. Unfortunately, it has only just opened, and they haven't organised a takeaway service yet but looking forward to ordering one when they do.

D Sandy's

A fantastic restaurant just outside of town. Took our young daughter there last weekend and she loved choosing her own meals from the children's menu. If only they would provide something like a colouring book or an activity to keep children occupied as she soon started to get bored.

E Take a Tumble

We had our grandchildren for the day and were lucky enough to find the new 'Take a Tumble' in town. Lots of activities for young children who can climb, **slide** or swim. They serve simple, cheap lunches that saved us the bother of finding somewhere else to eat.

F Macs

I went to Macs, just opposite the entrance to the station last night. My friends had the fried chicken and I had pizza. We were all really happy with our meal. The food was at our table in ten minutes and it tasted great.

G Pasta della Piazza

Whether it's a romantic meal for two or a memorable night with friends, Pasta della Piazza is the place to go. We enjoyed a fantastic night out with lovely Italian food and sang along and danced thanks to their regular pianist. You need to reserve to be sure of a table.

H Giovanni's

This place is hidden away on the back streets of town. A tiny place with only five or six candlelit tables but with a wonderful atmosphere. Italian music plays softly in the background making you feel as if you've been **transported** to Florence or Rome.

LIVEWORKSHEETS

II. Extra Reading

Read the text again and choose the best answer (A, B or C).

1. Which restaurant would be best for someone who wants to celebrate a birthday with live music?

A. Giovanni's

B. Pasta della Piazza

C. Southern Chicken Takeaway

2. Which restaurant is most suitable for someone who needs fast service near the train station?

A. Macs

B. The Noodle Bar

C. Sandy's

3. Which restaurant would be a good choice for a couple who want a quiet, romantic Italian meal?

A. Giovanni's

B. Take a Tumble

C. Spice World

4. Which restaurant is especially good for young children who need activities?

A. Sandy's

B. Take a Tumble

C. The Noodle Bar

5. Which restaurant would NOT be a good choice for someone who dislikes loud music?

A. The Noodle Bar

B. Southern Chicken Takeaway

C. Spice World

LIVEWORKSHEETS